

16/07



KC Yên



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 34679
	Giờ..... Ngày 1 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010
CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 40
Phụ biểu	41 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER ("Công ty") và các công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại chức trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông LEE CHUNG YI	: Chủ tịch HĐQT
Ông LIN YEN CHIANG	: Thành viên
Ông CHUANG HUEI JEN	: Thành viên
Ông LEE HSIEN PIN	: Thành viên
Ông DEE FU SON	: Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông YEH LI CHUAN	: Trưởng Ban kiểm soát
Ông BAIR SHWU JENG	: Thành viên
Ông LEE YU YU	: Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông LAI JIE DAR	: Tổng Giám đốc (từ ngày 02/10/2009 đến hết ngày 30/04/2010)
Ông LEE HSIEN PIN	: Tổng Giám đốc (từ ngày 01/05/2010)

Kế toán trưởng

Ông HOÀNG SÁNG TẠO	: Kế toán trưởng (từ ngày 12/06/2009 đến hết ngày 19/08/2010)
Bà NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	: Kế toán trưởng (từ ngày 20/08/2010)

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ Phần FULL POWER được chuyển đổi từ Công ty TNHH Xây Lắp Điện Cơ FULL POWER theo Quyết định số 45CPH/GP-KCN-BD ngày 18 tháng 8 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất lần thứ 6 ngày 03 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại : Khu Công nghiệp Sóng Thần II – Huyện Dĩ An – Tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh : Công ty hiện có các xưởng sản xuất và chi nhánh sau :

- Xưởng sản xuất đặt tại lô M – Khu công nghiệp Sóng Thần II – Tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh đặt tại Xã Tân Vĩnh Hiệp – Thị trấn Uyên – Tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh sản xuất đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I – Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh sản xuất đặt tại Khu công nghiệp Sông Mây – Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh sản xuất đặt tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

- Chi nhánh sản xuất đặt tại Quận Tân Bình thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh sản xuất đặt tại TP. Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Công ty con : Công ty hiện có mười ba (13) công ty con và tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết ở các công ty con như sau:

Tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết của Công ty Full Power

• Công ty TNHH Thịnh Phong	70%
• Công ty TNHH Thanh Mộc	70%
• Công ty TNHH Tường Tuấn	70%
• Công ty TNHH Kiến Quốc	70%
• Công ty TNHH Kiến Giai	70%
• Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Liên hiệp Quốc Tế	70%
• Công ty TNHH Kiểu An	70%
• Công ty TNHH Lập Đức	70%
• Công ty TNHH Kiến Lương	70%
• Công ty TNHH Lập Thành	70%
• Công ty TNHH Metal – Tech VN	100%
• Công ty TNHH Steel Tech VN	100%
• Công ty TNHH Beauty Stone VN (*)	100%

() Công ty TNHH Beauty Stone VN hiện đã có quyết định ngưng hoạt động và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể công ty theo quy định của luật doanh nghiệp.*

Theo giấy phép đầu tư hiện hành, hoạt động chủ yếu của Công ty là :

Thiết kế thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp trong nhà máy và các toà nhà dân dụng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống lạnh; Trang trí nội ngoại thất, sân vườn ; Nhập khẩu các vật tư thiết bị trong nước chưa sản xuất được để phục vụ thi công. Xây dựng đường dây trung thế và trạm biến điện đến 35KV; Sản xuất và lắp ráp- tủ điều khiển hộp nối điện, máng cáp, thang cáp, ngã rẽ ti treo và các loại phụ kiện điện khác; Gia công cắt cuộn, sơn phủ bề mặt kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất phụ kiện thiết bị ống công nghiệp, vật liệu cách điện, bồn chứa áp lực bằng kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất máy móc thiết bị dùng cho nâng hạ bốc dỡ và vận chuyển hàng hoá vật tư; Thiết kế và xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Nghiên cứu ươm trồng và kinh doanh cây cảnh hoa, Bonsai và cây công nghiệp; Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, hệ thống chống đột nhập cho các công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hệ thống chống đỡ phục vụ cho các công trình xây dựng tầng hầm; Sản xuất bê tông, các cấu kiện bằng bê tông; Sản xuất khung cửa, tường rào bằng kim loại; Sản xuất giàn giáo, cốt pha, các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ; Gia công thép; Sản xuất khung kèo (nhà tiền chế); Sản xuất gia công các loại đá; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao (gọi tắt là đầu tư khu công nghiệp); Đầu tư xây dựng trường kỹ thuật xây dựng; Kinh doanh bất động sản (đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình trên đất thuê để cho thuê lại đất đã có hạ tầng).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2010

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC), chi tiết được trình bày ở Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trang 11 đính kèm báo cáo này.

• Tổng doanh thu:	53.626.894.469 VND
• Tổng chi phí:	96.748.809.465 VND
• Lãi (lỗ) trước thuế:	(43.121.914.996) VND
• Lãi (lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số :	(1.601.673.088) VND
• Lãi (lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ :	(41.666.170.825) VND

4. CÁC THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Theo nghị quyết đại hội cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Full Power tổ chức vào ngày 19 tháng 09 năm 2009, Đại hội đã xem xét tính hiệu quả của các hợp đồng và các dự án được triển khai trong các năm 2007 và 2008, qua đó, quyết định thu hồi lại toàn bộ số tiền đầu tư vào các hợp đồng và dự án này. Tuy nhiên tính đến thời điểm 30/06/2010, các hợp đồng và dự án này vẫn chưa được giải quyết, bao gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại đường D2 và D3, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM với Công ty Cổ phần Phú Đức. Công ty CP Full Power đã ứng trước tiền cho Công ty Phú Đức là 45 tỷ đồng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM với Công ty TNHH XD kinh doanh nhà Sang Anh. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 207,7 tỷ đồng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và kinh doanh khu cao ốc tại Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 12,5 tỷ đồng.

4.2. Các thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính các công ty con như sau:

- Công ty TNHH Beauty Stone Việt Nam đã chính thức chấm dứt hoạt động kể từ ngày 03/02/2010 và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể công ty theo quy định của luật doanh nghiệp.
- Các công ty : Công ty TNHH Thanh Mộc, Công ty TNHH Tường Tuấn, Công ty TNHH Kiến Quốc, Công ty TNHH Liên hiệp Quốc Tế, Công ty TNHH Kiều An, Công ty TNHH Kiến Lương, Công ty TNHH Lập Thành, Công ty TNHH Metal Tech có thể sẽ phải ngưng hoạt động trong một tương lai gần do khoản lỗ lũy kế đến thời điểm 30/06/2010 của các công ty con đã vượt quá vốn chủ sở hữu.

5. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER.

6. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

- Trước khi các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm 30/06/2010.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày 30/06/2010 đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ ngày 30/06/2010 để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau ngày 30/06/2010.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

7. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

LEE HSIEN PIN

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 15 tháng 11 năm 2010.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0710415-HN/AISC-DN2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER**

1. Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER. Các báo cáo được soát xét gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30/6/2010; Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được lập ngày 30 tháng 08 năm 2010 từ trang 07 đến trang 40.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị được kiểm toán. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

2. Phạm vi công việc soát xét :

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

3. Hạn chế :

Tại thời điểm 30/6/2010, qua trao đổi với Công ty, chúng tôi được biết, các thủ tục về kiểm kê và đối chiếu công nợ chưa được hoàn tất.

4. Ý kiến của kiểm toán viên :

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những hạn chế nêu ở phần 3 trên, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo soát xét này không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Dù rằng ý kiến dưới đây không làm thay đổi ý kiến của chúng tôi đã nêu ở trên, chúng tôi xin lưu ý rằng:

4.1. Theo nghị quyết đại hội cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Full Power tổ chức vào ngày 19 tháng 09 năm 2009, Đại hội đã không thông qua các hợp đồng và dự án đã phát sinh ở những niên độ trước (năm 2007, 2008) do không nhận được tính hiệu quả từ việc đầu tư các dự án, cụ thể như sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại đường D2 và D3, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM với Công ty Cổ phần Phú Đức. Công ty CP Full Power đã ứng trước tiền cho Công ty Phú Đức là 45 tỷ đồng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM với Công ty TNHH XD kinh doanh nhà Sang Anh. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 207, 7 tỷ đồng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và kinh doanh khu cao ốc tại Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 12,5 tỷ đồng.

Vì vậy, trong tương lai có thể sẽ dẫn đến việc phải thanh lý các hợp đồng hợp tác đầu tư mà Đại hội cổ đông bất thường không thông qua nêu trên.

Theo chúng tôi, để không làm nảy sinh sự nghi ngờ về khả năng hoạt động trong tương lai của công ty, Ban Tổng Giám đốc công ty cần hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để các khoản đầu tư nêu trên đảm bảo được thu hồi cũng như hạn chế những thiệt hại về tài sản của công ty để Công ty Cổ phần Full Power tiếp tục ổn định hoạt động và phát triển trong thời gian tới.

4.2. Báo cáo tài chính hợp nhất của CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán được lập tuân thủ theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2010, báo cáo tài chính phải được lập tuân thủ theo thông tư 244/2009/TT- BTC ngày 31/12/2009 và quyết định 15 của Bộ Tài Chính. Vì vậy để phù hợp với thông tư 244 thì số dư đầu năm ngày 01/01/2010 của một số tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã có sự thay đổi vị trí so với số dư cuối năm ngày 31/12/2009 (xem thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.5).

Kiểm toán viên



Phạm Thị Thanh Mai
Chứng chỉ KTV số: 1044/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2010



Phạm Văn Vinh
Chứng chỉ KTV số: Đ112/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		430.055.376.195	508.161.499.104
I. Tiền	110	V.1	22.229.665.854	31.052.506.150
1. Tiền	111		22.229.665.854	31.052.506.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.824.169.876	244.307.623.745
1. Phải thu khách hàng	131		22.091.971.519	94.402.112.104
2. Trả trước cho người bán	132		87.115.577.106	81.775.121.092
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	110.145.576.490	124.432.805.854
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(46.528.955.239)	(56.302.415.305)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	197.425.143.589	196.900.915.152
1. Hàng tồn kho	141		352.821.199.644	355.613.504.618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(155.396.056.055)	(158.712.589.467)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.576.396.876	35.900.454.057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		136.505.030	121.105.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.935.105.110	12.803.846.615
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		365.832.050	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.138.954.686	22.975.501.703
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		408.459.139.179	382.797.177.768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.842.404.520	1.824.404.521
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	1.842.404.520	1.824.404.521
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
II. Tài sản cố định	220		56.706.486.852	64.815.214.608
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	45.658.307.081	51.579.694.931
- Nguyên giá	222		89.296.490.752	101.534.372.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.638.183.671)	(49.954.677.829)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.9	266.648.575	313.704.211
- Nguyên giá	225		470.556.331	470.556.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(203.907.756)	(156.852.120)
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	10.781.531.196	12.921.815.466
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		327.807.200.000	290.737.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13a	326.192.000.000	289.122.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13b	1.615.200.000	1.615.200.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.103.047.807	25.420.358.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	21.859.649.007	25.220.009.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		243.398.800	200.348.800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		838.514.515.374	890.958.676.872

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		372.610.873.422	381.484.744.574
I. Nợ ngắn hạn	310		372.556.122.216	381.429.993.368
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	122.516.525.155	119.825.896.152
2. Phải trả cho người bán	312		43.735.576.290	50.063.665.681
3. Người mua trả tiền trước	313		47.422.962.679	31.233.818.382
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	16.616.235.165	16.781.376.599
5. Phải trả người lao động	315		5.115.281.778	7.292.634.920
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13.117.312.199	42.374.095.978
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		13.654.087.055	9.209.476.527
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	102.375.435.472	103.213.330.936
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		7.137.081.668	570.073.438
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		865.624.755	865.624.755
II. Nợ dài hạn	330		54.751.206	54.751.206
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	47.826.906	47.826.906
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.924.300	6.924.300
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		467.505.315.040	516.032.293.968
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.22	467.505.315.040	516.032.293.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		329.999.910.000	329.999.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		550.000.000.000	550.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.395.491.980)	(737.002.556)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.512.227.222	2.512.227.222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.097.330.938	5.097.330.938
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(416.708.661.140)	(370.840.171.636)

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		(1.601.673.088)	(6.558.361.669)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		838.514.515.374	890.958.676.872

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng



HOÀNG SÁNG TẠO

Tổng Giám đốc



LEE HSIEN PIN

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	43.086.171.715	180.280.322.022
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26	6.007.450	4.130.859.737
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.27	43.080.164.265	176.149.462.285
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	35.289.265.886	161.628.598.648
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		7.790.898.379	14.520.863.637
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.429.196.265	278.498.922
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	5.859.807.765	5.796.807.129
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.851.475.912	5.295.818.120
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.192.042.350	35.498.421.293
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(24.831.755.471)	(26.495.865.863)
11 Thu nhập khác	31		9.117.533.939	40.713.276.500
12 Chi phí khác	32		27.407.693.464	26.056.997.871
13 Lợi nhuận khác	40		(18.290.159.525)	14.656.278.629
14a Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50a		(43.121.914.996)	(11.839.587.234)
Các khoản chi phí không hợp lệ			171.867.504	101.983.893
14b Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN	50b		(42.950.047.492)	(11.737.603.341)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	145.928.917	59.648.611
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	903.728.376
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(43.267.843.913)	(12.802.964.221)
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.601.673.088)	(2.162.040.196)
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(41.666.170.825)	(10.640.924.025)
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.263)	(322)

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng



HOÀNG SÁNG TẠO

Tổng Giám đốc



LEE HSIEN PIN

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(43.121.914.996)	(11.839.587.234)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		5.353.359.337	6.739.466.800
Các khoản dự phòng	3		(11.345.126.446)	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		28.481.816.061	(5.061.208.976)
Chi phí lãi vay	6		5.851.475.912	5.295.818.120
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	8		(14.780.390.132)	(4.865.511.290)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	9		(6.753.009.756)	(33.512.312.116)
Tăng/ (giảm) hàng tồn kho	10		1.238.429.444	5.001.668.305
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(1.262.760.191)	32.217.293.213
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		3.344.961.541	(171.620.536)
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.132.988.691)	(4.549.806.287)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.154.515.422)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.774.283.528	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(295.631.294)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.021.620.973)	(5.880.288.711)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(84.550.000)	(44.940.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		3.590.691.991	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		8.670.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		79.521.428	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.255.663.419	(44.940.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31			
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.185.000.000	119.720.208.020
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.238.020.997)	(117.091.979.400)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.020.997)	2.628.228.620

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.818.978.551)	(3.297.000.091)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.048.644.405	13.144.318.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		<u>22.229.665.854</u>	<u>9.847.318.321</u>

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng


HOÀNG SÁNG TẠO

Tổng Giám đốc



LÊ HSIEN PIN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 462033000030 thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 10 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Full Power là : 329.999.910.000 đồng, bao gồm 32.999.991 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

02. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh:

Thiết kế thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp trong nhà máy và các toà nhà dân dụng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống lạnh, trang trí nội ngoại thất, sân vườn ; Nhập khẩu các vật tư thiết bị trong nước chưa sản xuất được để phục vụ thi công. Xây dựng đường dây trung thế và trạm biến điện đến 35KV; Sản xuất và lắp ráp- tủ điều khiển hộp nối điện, máng cáp, thang cáp, ngã rẽ ti treo và các loại phụ kiện điện khác; Gia công cắt cuốn, sơn phủ bề mặt kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất phụ kiện thiết bị ống công nghiệp, vật liệu cách điện, bồn chứa áp lực bằng kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất máy móc thiết bị dùng cho nâng hạ bốc dỡ và vận chuyển hàng hoá vật tư; Thiết kế và xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Nghiên cứu ươm trồng và kinh doanh cây cảnh hoa, Bonsai và cây công nghiệp;

Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, hệ thống chống đột nhập cho các công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hệ thống chống đỡ phục vụ cho các công trình xây dựng tầng hầm; Sản xuất bê tông, các cấu kiện bằng bê tông; Sản xuất khung cửa, tường rào bằng kim loại; Sản xuất giàn giáo, cốt pha, các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ; Gia công thép; Sản xuất khung kèo (nhà tiền chế); Sản xuất gia công các loại đá; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao (gọi tắt là đầu tư khu công nghiệp); Đầu tư xây dựng trường kỹ thuật xây dựng; Kinh doanh bất động sản (đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình trên đất thuê để cho thuê lại đất đã có hạ tầng)

04. Công ty con:

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ "Công ty cổ phần Full Power " trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : mười ba (13)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : mười hai (12)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : một (01)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Danh sách các công ty con được hợp nhất :

1. Công ty TNHH Thịnh Phong

- Địa chỉ : QL 51, ấp Thị Vải, xã Mỹ Xuân, H.Tân Thành, tỉnh B.Rịa – V.Tàu.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Thịnh Phong, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

2. Công ty TNHH Thanh Mộc

- Địa chỉ : K1/41, ấp Tân Bản, phường Bửu Hoà, Tp. Biên Hoà – Đồng Nai.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Thanh Mộc, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 5.273.852.272 VND (= 6.964.562.272 VND - 1.690.710.000 VND)

3. Công ty TNHH Tường Tuấn

- Địa chỉ : B8, Khu quy hoạch nhà ở, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà – Đồng Nai.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Tường Tuấn, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 6.074.198.368 VND (= 7.764.908.368 VND - 1.690.710.000 VND)

4. Công ty TNHH Kiến Quốc

- Địa chỉ : số 41/01 Khu Bàu Cá, xã An Phước, H. Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiến Quốc, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 762.845.625 VND (= 2.451.770.625 VND - 1.688.925.000 VND)

5. Công ty TNHH Kiến Giai

- Địa chỉ : 52/D26, đường Trần Văn Trà, KP.2, P.1, TX Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiến Giai, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

6. Công ty TNHH TV TK liên hiệp Quốc Tế

- Địa chỉ : số 275B, đường Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Ngũ Lão, Q1, Tp.HCM.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH TV TK liên hiệp Quốc Tế, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 25.098.802.320 VND (= 27.475.582.320 VND - 2.376.780.000 VND)

7. Công ty TNHH Kiểu An

- Địa chỉ : B4, Khu quy hoạch nhà ở, P. Tân Tiến, Tp.Biên Hoà – Đồng Nai.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiểu An, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 1.966.781.808 VND (= 3.657.491.808 VND - 1.690.710.000 VND)

8. Công ty TNHH Lập Đức

- Địa chỉ : Số 181 Tôn Thất Hiệp, P.12, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Lập Đức, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

9. Công ty TNHH Kiến Lương

- Địa chỉ : Số 1, đường Nguyễn Cao, P.Ninh Xá, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiến Lương, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 3.513.742.195 VND (= 5.296.327.195 VND - 1.782.585.000 VND)

10. Công ty TNHH Lập Thành

- Địa chỉ : Số 1, Ngõ 01, đường Huyền Quang, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 70%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%

Tính đến ngày 30/06/2010, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Lập Thành, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 226.528.579 VND (= 2.009.113.579 VND - 1.782.585.000 VND)

11. Công ty TNHH Steel Tech

- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 100%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

Tính đến ngày 30/06/2010, Công ty Cổ phần Full Power chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

12. Công ty TNHH Metal Tech

- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 100%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

Tính đến ngày 30/06/2010, Công ty Cổ phần Full Power chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2010, khoản lỗ lũy kế của công ty là 4.166.847.248 VND.

Danh sách các công ty con không được hợp nhất :

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

1. Công ty TNHH Beauty Stone Việt Nam

- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 100%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty TNHH Beauty Stone VN không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Full Power do công ty đã ngưng hoạt động từ ngày 03/02/2010 và đang trong quá trình tiến hành các thủ tục giải thể nên công ty không lập Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010. Vì vậy không có cơ sở để hợp nhất báo cáo tài chính.

05. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo nghị quyết đại hội bất thường Công ty Cổ phần Full Power tổ chức vào ngày 19 tháng 09 năm 2009, còn một số vấn đề mà đại hội không thông qua nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính này vẫn chưa được xử lý. Cụ thể như sau :

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại đường D2 và D3, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM với Công ty Cổ phần Phú Đức. Công ty CP Full Power đã ứng trước tiền cho Công ty Phú Đức là 45 tỷ đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM với Công ty TNHH XD kinh doanh nhà Sang Anh. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 207,7 tỷ đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và kinh doanh khu cao ốc tại Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 12,5 tỷ đồng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

03. *Hình thức kế toán áp dụng:* Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. *Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:*

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty và các công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

02. *Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

03. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi : dựa theo đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Sản phẩm dở dang tồn kho là giá trị thi công - xây lắp các công trình còn dở dang. Giá trị xây dựng dở dang được xác định theo chi phí tích lũy cho từng hợp đồng thi công. Bao gồm Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cộng (+) chi phí nhân công trực tiếp cộng (+) chi phí quản lý thi công trực tiếp.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

5.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

5.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình : không phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng các công trình của công ty được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và sẽ được kết chuyển thành tài sản cố định khi công trình hoàn thành.

07. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí thuê đất, công cụ dụng cụ, giàn giáo và các chi phí khác được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí thoả mãn quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”. Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010**Đơn vị tính: VND*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn được treo lại trên Bảng Cân đối kế toán và đầu năm sau sẽ hoàn đảo lại.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2010: 18.544 đồng/ USD.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

<i>01. Tiền:</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Tiền mặt	7.238.892.454	5.547.245.933
- Tiền gửi ngân hàng	14.990.773.400	25.505.260.217
Cộng	22.229.665.854	31.052.506.150
<i>03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Phải thu khác (*)	110.145.576.490	124.432.805.854
Cộng	110.145.576.490	124.432.805.854

(*) : Chi tiết các khoản phải thu khác được trình bày tại phụ lục số 01 - trang 41 và 42.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

<i>04. Hàng tồn kho</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	22.859.885.580	22.190.240.453
- Chi phí SX, KD dở dang	329.957.278.519	333.423.264.165
- Hàng hóa	4.035.545	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	352.821.199.644	355.613.504.618
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(155.396.056.055)	(158.712.589.467)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	197.425.143.589	196.900.915.152
<i>07. Các khoản phải thu dài hạn khác</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.842.404.520	1.824.404.521
Cộng	1.842.404.520	1.824.404.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCD hữu hình						
Số dư đầu kỳ	20.769.633.479	44.241.912.740	15.944.447.893	10.485.698.674	10.092.679.974	101.534.372.760
- Mua trong kỳ				23.500.000	1.577.684.311	1.601.184.311
- Thanh lý, nhượng bán		(2.642.407.282)	(9.202.379.238)	(1.994.279.799)		(13.839.066.319)
Số dư cuối năm	20.769.633.479	41.599.505.458	6.742.068.655	8.514.918.875	11.670.364.285	89.296.490.752
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	7.282.731.489	19.350.672.483	12.460.095.637	8.125.830.268	2.735.347.952	49.954.677.829
- Khấu hao trong kỳ	519.240.840	3.067.931.567	659.810.045	556.024.071	503.297.178	5.306.303.701
- Thanh lý, nhượng bán		(2.447.853.653)	(7.228.874.433)	(1.946.069.773)		(11.622.797.859)
Số dư cuối năm	7.801.972.329	19.970.750.397	5.891.031.249	6.735.784.566	3.238.645.130	43.638.183.671
Giá trị còn lại của TSCD HH						
- Tại ngày đầu kỳ	13.486.901.990	24.891.240.257	3.484.352.256	2.359.868.406	7.357.332.022	51.579.694.931
- Tại ngày cuối năm	12.967.661.150	21.628.755.061	851.037.406	1.779.134.309	8.431.719.155	45.658.307.081

* Giá trị còn lại của TSCDDHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.967.661.150 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.902.727.970 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC						
Số dư đầu năm					470.556.331	470.556.331
- Thuế tài chính trong năm						-
- Tăng khác						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm					470.556.331	470.556.331
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số dư đầu năm					156.852.120	156.852.120
- Khấu hao trong năm					47.055.636	47.055.636
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm					203.907.756	203.907.756
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC						-
- Tại ngày đầu năm					313.704.211	313.704.211
- Tại ngày cuối năm					266.648.575	266.648.575

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	30/06/2010	01/01/2010
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	10.781.531.196	12.921.815.466
<i>Trong đó (Những công trình lớn):</i>		
+ Mua sắm tài sản trụ sở Full Power	-	856.175.221
+ Chi phí XD xưởng Khung kèo Nhơn Trạch	-	54.005.368
+ Chi phí XD xưởng Khung kèo 3	-	97.785.819
+ Chi phí xây dựng Nhà máy đá Nhơn Trạch	-	40.309.090
+ Chi phí xây dựng trụ sở chính full Power	-	721.509.090
+ Chi phí xây dựng CN Đồng Nai	3.731.634.951	3.731.634.951
+ Chi phí xây dựng trụ sở Công ty Beauty Stone	-	339.299.682
+ Chi phí xây dựng trụ sở Công ty Steel Tech	536.796.145	536.796.145
+ Chi phí bồi thường đất ở Bắc Ninh	6.513.100.100	6.513.100.100
+ Xây dựng cơ bản khác	-	31.200.000
13. a. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	30/06/2010	01/01/2010
- Dự án khu dân cư Quận 9 (*)	68.924.000.000	68.924.000.000
- Dự án khu TM và VP cho thuê tại TP.Đà Nẵng (**)	12.493.000.000	12.493.000.000
- Dự án khu đất Quận 12(***)	207.705.000.000	207.705.000.000
- Dự án khu CN Đức Mỹ - Long An (****)	37.070.000.000	-
Cộng	326.192.000.000	289.122.000.000

(*) : Dự án khu dân cư Quận 9 là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP Phú Mỹ) để đầu tư vào giai đoạn 1 (quyền sử dụng đất) xây dựng khu dân cư tại Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM. Dự án này phát sinh từ năm 2006,2007 nhưng đến nay vẫn chưa thu được hiệu quả và Công ty đang có kế hoạch thu hồi khoản chi phí đầu tư này.

(**) : Dự án khu TM và VP cho thuê tại Tp.Đà Nẵng là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP Phú Mỹ) để đầu tư dự án khu cao ốc tại số 234 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng. Dự án này phát sinh từ năm 2006,2007 nhưng chưa thu được hiệu quả. Bên cạnh đó, dự án này đã không được Đại hội cổ đông bất thường ngày 19/9/2009 thông qua nên Công ty đang tiến hành việc thu hồi khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

(***) : Dự án khu đất Quận 12 là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH xây dựng kinh doanh phát triển nhà Sang Anh để đầu tư xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM. Dự án này phát sinh từ năm 2007 nhưng chưa thu được hiệu quả. Bên cạnh đó, dự án này đã không được Đại hội cổ đông bất thường ngày 19/9/2009 thông qua nên Công ty đang tiến hành việc thu hồi khoản đầu tư này.

(****) : Dự án khu CN Đức Mỹ - Long An là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Phú Mỹ để đầu tư vào dự án Cụm công nghiệp Đức Mỹ, giai đoạn 2 tại xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà Long, tỉnh Long An.

<i>b. Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Đầu tư vào Công ty TNHH Quốc tế TTE VN	1.615.200.000	1.615.200.000
Cộng	1.615.200.000	1.615.200.000

<i>14. Chi phí trả trước dài hạn:</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần II	5.096.964.237	5.160.072.669
- Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Nhơn Trạch I	8.643.244.821	8.762.100.639
- Phần Mềm kế toán & máy vi tính	643.297.713	1.286.595.399
- Chi phí công cụ dụng cụ	159.168.210	394.838.825
- Chi phí sửa chữa văn phòng pasteur	-	83.389.690
- Chi phí sửa chữa văn phòng Cộng Hoà	-	172.577.291
- Chi phí sửa chữa ký túc xá Full Power	302.533.288	605.066.570
- Chi phí bản đồ qua vệ tinh	-	526.409.902
- Chi phí bồi thường đất Bắc Ninh	329.006.188	-
- Chi phí xây dựng VP tạm tại các CN Nhơn Trạch	5.639.293.542	5.807.630.664
- Giàn giáo phục vụ tại các công trình	1.046.141.008	2.421.328.190
Cộng	21.859.649.007	25.220.009.839

<i>15. Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Vay ngắn hạn (*)	122.375.200.000	119.631.550.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	141.325.155	194.346.152
Cộng	122.516.525.155	119.825.896.152

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

(*) Khoản vay ngắn hạn đến ngày 30/06/2010 bao gồm:

+ Vay ngắn hạn NH Ngoại thương CN Sóng Thần 38.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn này là khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0119/TD8/08LD ngày 28/10/2008 và hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 001/HĐSD và số 002/HĐSD ngày 30/03/2009 đính kèm hợp đồng số 0050/2007/VCB-ST ngày 01/11/2007. Theo đó, hạn mức cho vay của hợp đồng này là 38 tỷ đồng. Lãi suất vay theo thông báo của Ngân hàng theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng một số quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và nhà xưởng theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0242/NHNT-07ST ngày 01/11/2007, số 0243/NHNT-07ST ngày 01/11/2007, số 0088/NHNT-09ST ngày 30/03/2009.

+ Vay ngắn hạn Ông Lin Chen Hai 84.375.200.000

Tương đương : 4.550.000,00 USD
Khoản vay ngắn hạn này là khoản vay theo bản thoả thuận cho vay tiền số 05-09/LA ngày 05/06/2009 giữa ba bên là Ông Lin Chen Hai, Công ty cổ phần Full Power và Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ. Theo thoả thuận này Công ty cổ phần Full Power sẽ được Ông Lin CHen Hai cho vay số tiền là 5.000.000 USD, lãi suất vay là 7,5%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toạ lạc tại phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM. Quyền sử dụng đất của thửa đất này do hai bên Công ty cổ phần Full Power và Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ cùng hợp tác kinh doanh.

() Khoản Nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 30/06/2010 bao gồm :**

+ Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản nợ thuê tài chính TSCĐ của công ty con 141.325.155
 - Công ty TNHH Lập Đức

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2010	01/01/2010
- Thuế GTGT đầu ra	5.586.912.131	4.897.083.006
- Thuế GTGT nhà thầu	550.698.590	297.077.485
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	14.321.403
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.136.126.570	8.777.804.024
- Thuế Thu nhập cá nhân	2.636.564.542	2.435.767.538
- Thuế TNDN nhà thầu	629.211.110	285.600.921
- Các loại thuế khác	76.722.222	73.722.222
Cộng	16.616.235.165	16.781.376.599

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

	30/06/2010	01/01/2010
17. Chi phí phải trả		
- Lương tháng 13	-	361.509.791
- Chi phí điện, nước, điện thoại, fax	5.620.000	21.740.000
- Chi phí kiểm toán	388.876.627	569.048.500
- Chi phí thuê xe	21.818.181	21.818.181
- Trích trước tiền thuê đất	-	1.744.867.032
- Trích trước chi phí lãi vay	7.064.912.294	3.357.665.625
- Trích trước chi phí công trình	5.540.773.259	36.210.593.140
- Phí duy tu	64.281.712	64.281.712
- Chi phí trích trước khác	31.030.126	22.571.997
Cộng	13.117.312.199	42.374.095.978
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ xử lý	44.540.522	44.540.522
- Kinh phí công đoàn	1.722.000	2.257.500
- Bảo hiểm xã hội	305.674.623	365.198.068
- Bảo hiểm y tế	58.674.272	63.878.431
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.625.599	6.843.700
- Phải trả khác (*)	101.959.198.456	102.730.612.715
Cộng	102.375.435.472	103.213.330.936
(*) Chi tiết các khoản phải trả khác được trình bày tại phụ lục số 02 - trang 43 và 44.		
20. Vay và nợ dài hạn		
- Thuê tài chính	47.826.906	47.826.906
Cộng	47.826.906	47.826.906

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	329.999.910.000	550.000.000.000	2.512.227.222	5.097.330.938	-	(76.855.407.389)	951.438.453.127
- Lãi (lỗ) trong năm trước 2009						(286.782.749.319)	(286.782.749.319)
- Lợi ích cổ đông thiểu số năm trước						(6.151.654.278)	(6.151.654.278)
- Giảm khác					(737.002.556)	(1.050.360.650)	(1.787.363.206)
Số dư cuối năm trước ngày 31/12/2009	329.999.910.000	550.000.000.000	2.512.227.222	5.097.330.938	(737.002.556)	(370.840.171.636)	516.032.293.968
Số dư đầu kỳ ngày 01/01/2010	329.999.910.000	550.000.000.000	2.512.227.222	5.097.330.938	(737.002.556)	(370.840.171.636)	516.032.293.968
- Lãi (lỗ) trong kỳ này (6 tháng đầu năm 2010)						(41.666.170.825)	(41.666.170.825)
- Tăng khác					85.160.576		85.160.576
- Điều chỉnh khoản lỗ lũy kế đầu kỳ của Công ty Beauty Stone do không được hợp nhất tại ngày 30/06/2010						2.357.092.990	2.357.092.990
- Lợi ích cổ đông thiểu số năm trước						(6.558.361.669)	(6.558.361.669)
- Giảm khác						(1.050.000)	(2.744.700.000)
Số dư cuối kỳ ngày 30/06/2010	329.999.910.000	550.000.000.000	2.512.227.222	5.097.330.938	(3.395.491.980)	(416.708.661.140)	467.505.315.040

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo từ trang 07 đến trang 13.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2010			6 tháng đầu năm 2009		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn góp	329.999.910.000	329.999.910.000	-	329.999.910.000	329.999.910.000	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	550.000.000.000	550.000.000.000	-	550.000.000.000	550.000.000.000	-
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	879.999.910.000	879.999.910.000	-	879.999.910.000	879.999.910.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
		30/06/2010	01/01/2010
		%	Số vốn
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			-
+ Vốn góp đầu năm			329.999.910.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ			-
+ Vốn góp giảm trong kỳ			-
+ Vốn góp cuối kỳ			329.999.910.000
<i>Bao gồm:</i>			
	Ông Chen Li Hsun	8,34%	27.533.360.000
	Ông Lin Chen Hai	18,67%	61.600.000.000
	Ông Lin Yi Huang	0,01%	34.350.000
	Ông Torng Jenn Shiaw	0,23%	769.280.000
	Ông Yen Li Chuan	12,58%	41.500.000.000
	Ông Yen Li Cheng	12,58%	41.500.000.000
	Các cổ đông khác	47,59%	157.062.920.000
	Cộng	100,00%	329.999.910.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia			-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

đ. Cổ phiếu	30/06/2010	01/01/2010
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.991	32.999.991
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.991	32.999.991
+ Cổ phiếu phổ thông	32.999.991	32.999.991
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.991	32.999.991
+ Cổ phiếu phổ thông	32.999.991	32.999.991
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	43.086.171.715	180.280.322.022
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	43.086.171.715	180.280.322.022
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	6.007.450	4.130.859.737
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	6.007.450	4.130.859.737
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	43.080.164.265	176.149.462.285
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	-	-
	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Giá vốn của của hợp đồng xây dựng	35.289.265.886	161.628.598.648
Cộng	35.289.265.886	161.628.598.648
	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.429.196.265	273.767.967
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	999.467
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.731.488
Cộng	1.429.196.265	278.498.922
	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

- Lãi tiền vay	5.840.235.360	5.265.017.779
- Lãi thuê tài chính	11.240.552	30.800.341
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	419.222.367
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.331.853	81.766.642
Cộng	5.859.807.765	5.796.807.129
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	2010	2009
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(43.121.914.996)	(11.839.587.234)
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	171.867.504	101.983.893
+ Chi phí không hợp lệ	171.867.504	101.983.893
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	-
- Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN	(42.950.047.492)	(11.737.603.341)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	145.928.917	59.648.611
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	145.928.917	59.648.611
(*) : Chi phí thuế TNDN hiện hành là khoản thuế TNDN phải nộp của các công ty con hoạt động kinh doanh có lãi.		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	2010	2009
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		(903.728.376)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	903.728.376	
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	903.728.376	(903.728.376)
33. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp		
1. Cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	48,71	42,96
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	51,29	57,04
2. Cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	44,44	42,82
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	55,75	57,92
3. Khả năng thanh toán (lần)		
- Khả năng thanh toán nhanh	0,06	0,08
- Khả năng thanh toán hiện hành	2,25	2,34
4. Tỷ suất lợi nhuận (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	(5,16)	(1,44)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	(100,44)	(7,27)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	(9,26)	(2,48)

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị ròng từ hoạt động kinh doanh và phần giá trị thuần của tài sản thuần của công ty con tính trên tỷ lệ cổ phần không do công ty nắm giữ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được Công ty cổ phần Full Power xác định tương ứng với tỷ lệ vốn góp theo giấy phép đầu tư.

Tính đến thời điểm 30/06/2010, các cổ đông thiểu số vẫn chưa góp đủ vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư. Vì vậy, khoản ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số trên báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2010 bị âm thì được xem là nghĩa vụ của cổ đông thiểu số đối với công ty cổ phần Full Power.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**3. Thông tin với các bên liên quan****a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty cổ phần Bảo Gia	Cổ đông	Doanh thu xây dựng	34.401.760.659
		Phải thu về HĐ xây dựng	37.841.936.723
		Đã thu hợp đồng xây dựng	37.465.133.252
Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ	Cổ đông	Đã thu hồi khoản cho vay	8.670.000.000
		Lãi vay	572.255.557
		Lãi phát sinh do chưa thanh toán tiền thanh lý HĐ thuê VP Công Hoà	777.356.194
		Đã thu hồi khoản cho mượn	7.671.500.000

b. Vào ngày 30/06/2010, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
			<i>Phải thu, (phải trả)</i>
Công ty cổ phần Bảo Gia	Cổ đông	Nhận ứng trước	(1.199.920.767)
		Phải thu khác	165.000.000
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(3.343.991.792)
Công ty cổ phần Phú Đức	Cổ đông	Khoản ứng trước hợp đồng mua nhà	45.000.000.000
		Phải trả khác	(12.370.367.130)
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(3.324.991.839)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

b. Vào ngày 30/06/2010, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
			<i>Phải thu, (phải trả)</i>
Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ	Cổ đông	Nhận ứng trước	(6.473.538.385)
		Phải thu khác	24.695.483.500
		Phải thu khoản thanh lý hợp đồng thuê văn phòng Cộng Hoà và lãi do chưa thanh toán	22.284.210.888
		Phải thu khoản cho vay và lãi vay	14.888.982.223
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(4.779.671.968)
		Góp vốn hợp tác kinh doanh (dự án đầu tư ở Quận 9 - Tp.HCM, dự án ở Tp.Đà Nẵng và dự án KCN Đức Mỹ -	118.487.000.000
Công ty TNHH XD KD PT nhà Sang Anh	Công ty liên quan	Góp vốn hợp tác kinh doanh (dự án đầu tư ở Quận 12 - Tp.HCM)	207.705.000.000
Ông Lin Chen Hai	Cổ đông	Khoản đi vay	(84.375.200.000)
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(11.703.971.272)
Ông Chen Li Hsun	Cổ đông	Phải thu khác	13.452.177.496
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(10.171.313.434)
Ông Torng Jenn Shiaw	Cổ đông	Phải thu khác	2.960.944.695
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(146.162.841)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp thì một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán được thay đổi vị trí so với hướng dẫn của Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Theo đó số dư đầu kỳ ngày 01/01/2010 so với số dư cuối kỳ ngày 31/12/2009 của một số tài khoản có sự thay đổi như sau :

	Mã số	Theo Quyết định 15 (SDCK ngày 31/12/2009)	Theo Thông tư 244 (SDDK ngày 01/01/2010)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	865.624.755
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	865.624.755	-

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng



HOÀNG SÁNG TẠO



CHI TIẾT SỐ DƯ PHẢI THU KHÁC
THỜI ĐIỂM 30/06/2010

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Phải thu tiền Mr. Torng Jenn Shiaw	2.960.944.695
2	Phải thu tiền Mr. Chen Li Hsun	13.452.177.496
3	Phải thu Ông Wu Ying Chung	885.500.000
4	Phải thu Ông Zhang Ying Feng	422.449.891
5	Phải thu Ông Ma Xiang zI	1.650.000
6	Phải thu Ông Lô Chin Wen	965.583.156
7	Phải thu Ông Zhang Jian Guo	1.253.215.562
8	Phải thu Ông Wu Ye Chun	642.119.656
9	Phải thu Ông Hsieh Kuo Cheng	3.477.421.254
10	Phải thu Ông Mao Shih Hao	2.007.854.291
11	Phải thu Ông Luu Yi Stung	387.500.000
12	Phải thu Ông Chen Li Chang	9.418.505
13	Phải thu Mr. Chang I Cheng	1.130.271
14	Phải thu Bùi Thị Lệ	120.000
15	Phải thu Cty Foam Hwa Ching ĐN	82.146.728
16	Phải thu tiền bồi thường đất ở Bắc Ninh	1.480.690.000
17	Phải thu tiền bồi thường đất ở Bắc Ninh-Lê Văn Hưng	2.519.310.000
18	Phải thu tiền bồi thường đất ở Bắc Ninh-Mo Ji Chun	17.281.500
19	Phải thu Cty Full Power Dung Quất	20.000.000
20	Phải thu tiền Cty Safety	500.000.000
21	Phải thu tiền Cty Bảo Gia	165.000.000
22	Phải thu Lin Shui Li	83.665.000
23	Phải thu Lin Ching Te	25.696.176
24	Phải thu Mr. La Po Wen	100.000.000
25	Phải thu tiền Cty Diệu Thanh	142.802.657
26	Phải thu tiền Cty Phú Xương	2.652.306.851
27	Phải thu tiền Cty Vũ Thành	3.570.032.037
28	Phải thu tiền Cty Jing Long	944.600.282
29	Phải thu tiền Cty Trường Cường	1.814.281.308

CHI TIẾT SỐ DƯ PHẢI THU KHÁC
THỜI ĐIỂM 30/06/2010

STT	Diễn giải	Số tiền
30	Phải thu Cty Sao Kỹ	582.351.690
31	Phải thu Cty Tinh Vĩ	1.645.412.153
32	Phải thu Cty Đông Vĩ	1.239.816.122
33	Phải thu Cty Thời Đại	211.744.912
34	Phải thu Cty Lực Cần	84.860.000
35	Phải thu Cty Neo Neon	179.780.000
36	Phải thu Wu Su Wan tiền Steel trả hộ Full	93.956.572
37	Phải thu Baw Heng Steel	13.147.200
38	Phải thu tiền thuế sau quyết toán	279.868.314
39	Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	977.296.773
40	Thuế GTGT nhà thầu chưa kê khai	218.181.818
41	Phải thu CP Thành Lập không chứng từ	1.161.956.228
42	Phải thu khác	34.129.005
43	Phải thu Cty TNHH Beauty Stone	969.501.776
44	Phải thu tiền Cty CP TMXD Phú Mỹ	61.868.676.611
	<i>Trong đó : - Phải thu về hợp đồng vay</i>	<i>12.755.000.000</i>
	<i>- Phải thu về lãi vay</i>	<i>2.133.982.223</i>
	<i>- Phải thu về tiền tạm ứng</i>	<i>24.695.483.500</i>
	<i>- Phải thu lại tiền thuê VP Phú Mỹ</i>	<i>20.729.498.500</i>
	<i>- Phải thu tiền lãi HĐ thuê VP Phú Mỹ</i>	<i>1.554.712.388</i>
TỔNG CỘNG		110.145.576.490

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

Phụ lục : 02

**CHI TIẾT SỐ DƯ PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC
THỜI ĐIỂM 30/06/2010**

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Cty VL XD Xây Lắp Thương Mại	1.000.000.000
2	Cty Full International	2.603.354.425
3	Cty AD-E	1.000.000.000
4	Cty Song Nguyễn	223.951.800
5	Cty Vạn Thịnh Phát	1.600.000.000
6	Phí dương sức phải trả	45.675.202
7	Công ty Tong Chang	182.500.000
8	Phải trả thù lao HĐQT và ban kiểm soát 2007	658.707.638
9	Cổ tức năm 2007 phải trả	62.699.829.000
10	Mở tài khoản tại Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh	3.890.650
11	Phải trả cho Công ty Phú Đức	12.370.367.130
12	Phải trả cho Công ty TNHH Power Plug Busduct (Vinh Đức)	8.737.050.880
13	Phải trả cho Công ty TNHH Safety	7.418.247.530
14	Phải trả Công ty Đông Vĩ	-
15	Phải trả Công ty SanFang (tạm ứng)	49.500.000
16	Phải trả Cai Sheng Chang	(1.739.109.141)
17	Phải trả Mr Zhang Ying Feng	59.451.273
18	Phải trả Mr Lo Chinh Wen	237.000.000
19	Phải trả Mss Lui Li Li	42.217.350
20	Phải trả Mr Tsuo Sheng Chang	34.821.120
21	Phải trả Mr Zhang Jian Guo	234.520.500
22	Phải trả Mr Wu Su Wan	747.554.500
23	Phải trả Mr Wu Ye Chun	75.420.557
24	Phải trả Mr Torng Jenn Shiaw	26.347.000
25	Phải trả Mss Đinh Thị Khánh	3.412.698
26	Phải trả Mr Wang Chinh Ping	1.500.000
27	Phải trả Mr Liao Po Wen	29.276.977

**CHI TIẾT SỐ DƯ PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC
THỜI ĐIỂM 30/06/2010**

STT	Diễn giải	Số tiền
28	Phải trả Mr Chen li Chan	539.424.840
29	Phải trả Mr Liu Yi Tsung	1.067.136.848
30	Phải trả Mr Heng & Mr. Lee	1.369.274.312
31	Phải trả Lisa	61.843.100
32	Phải trả Mr Hoàng Thái Phụng Thiên	22.245.200
33	Phải trả Mss Dương Thị Liễu	134.031.285
34	Phải trả Lý Thuý Minh	23.213.500
35	Vũ Triết Nhơn	27.887.667
36	Peng Zong Fei	4.826.892
37	Xu Chang Sheng	3.412.460
38	Le Kham Onn	277.185.000
39	Vé máy bay A Kiem + Tên miễn Lee Huan Hsin	65.654.750
40	Thuế GTGT đã kê khai khấu trừ chưa hạch toán	119.000
41	Phải trả khác	17.456.513
TỔNG CỘNG		101.959.198.456

